

Ngày 31/03/2025	5,400 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	3.8%	8.0%	1.9%

2024	
ROE	-17.3%
	+/- YoY ▼ 10.1%

Q1/25	
DT thuần	614
tỷ VNĐ	
	QoQ ▼ 156 ▼ 20.3%
	YoY ▲ 99.0 ▲ 19.2%

2024	
DT thuần	2,610
tỷ VNĐ	
	YoY ▲ 37.0 ▲ 1.4%

Q1/25	
LN gộp	22.6
tỷ VNĐ	
	QoQ ▲ 45.9 ▲ 197%
	YoY ▲ 23.4 ▲ 2892%

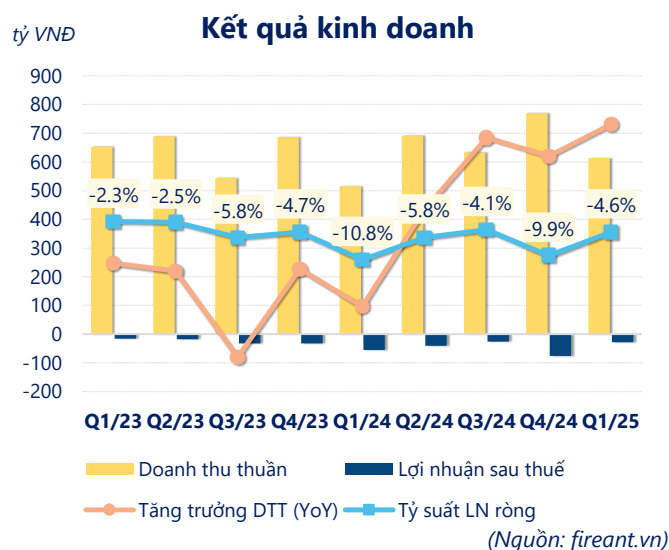
2024	
LN gộp	-7.50
tỷ VNĐ	
	YoY ▼ 129 ▼ 106%

Q1/25	
LN thuần	-37.0
tỷ VNĐ	
	QoQ ▲ 52.5 ▲ 58.7%
	YoY ▲ 28.2 ▲ 43.3%

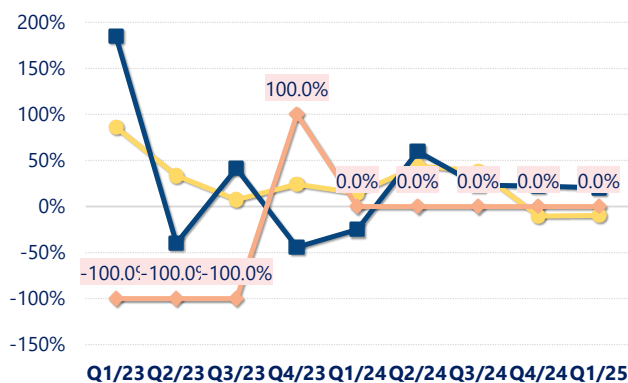
2024	
LN thuần	-256
tỷ VNĐ	
	YoY ▼ 114 ▼ 80.6%

Q1/25	
LN sau thuế	-28.5
tỷ VNĐ	
	QoQ ▲ 47.4 ▲ 62.4%
	YoY ▲ 27.0 ▲ 48.6%

2024	
LN sau thuế	-202
tỷ VNĐ	
	YoY ▼ 106 ▼ 110%



Tăng trưởng lợi nhuận

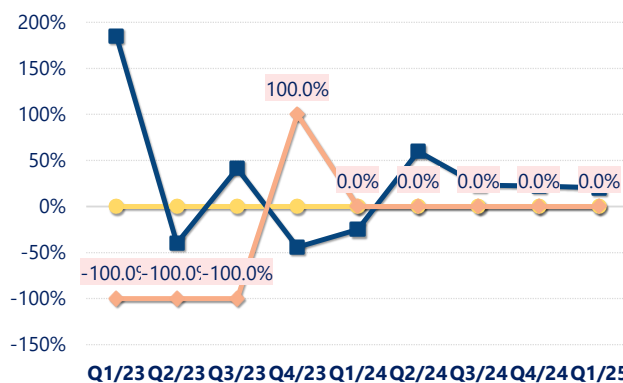


Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25

— Tăng trưởng LN thuần (YoY)
 — Tăng trưởng EBIT (YoY)
 — Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

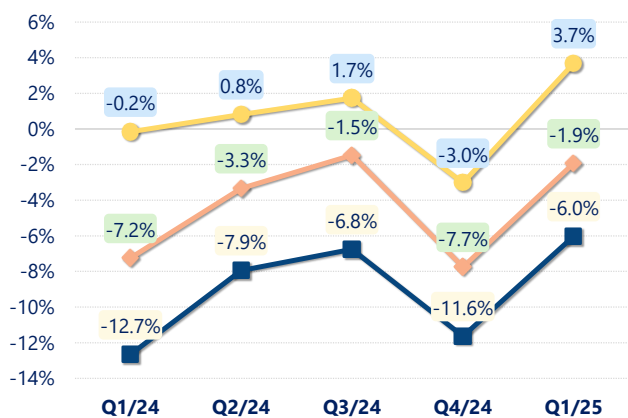


Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25

— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY)
 — Tăng trưởng EBIT (YoY)
 — Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

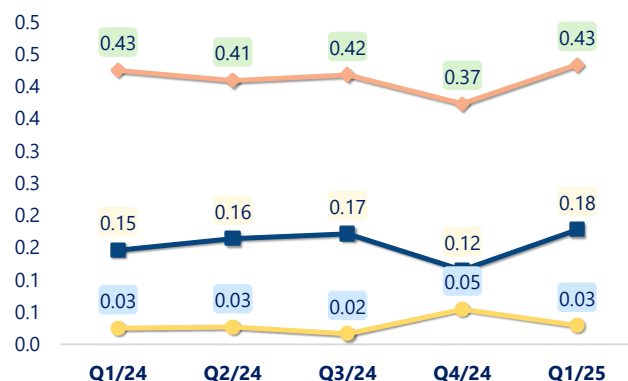


Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25

— Tỷ suất LN gộp
 — Tỷ suất LN thuần
 — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

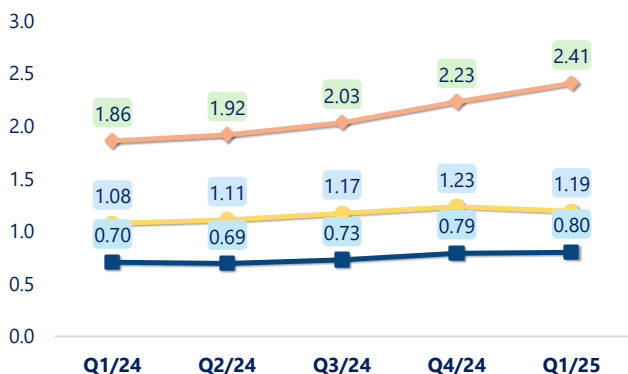


Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25

— Tỷ số thanh toán tiền mặt
 — Tỷ số thanh toán nhanh
 — Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

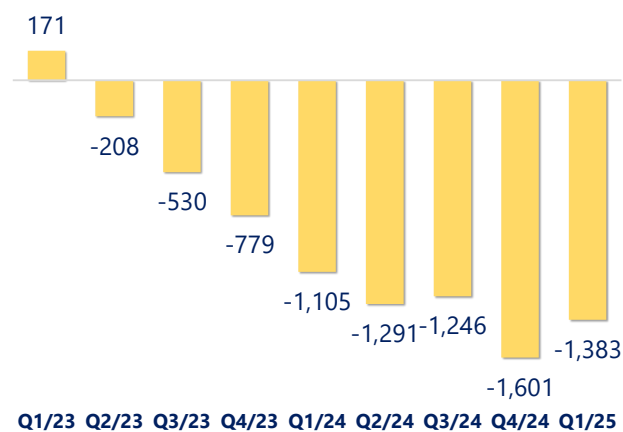


Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25

— Vòng quay TSCĐ
 — Vòng quay Tổng TS
 — Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	614	515	19.2%	2,610	2,573	1.4%
Giá vốn hàng bán	591	516	14.6%	2,617	2,452	6.7%
Lợi nhuận gộp	22.6	-0.81	2892%	-7.50	121	-106%
Doanh thu HĐTC	0.02	0.02	-16.8%	0.43	0.66	-34.1%
Chi phí TC	17.2	20.8	-17.1%	77.2	92.0	-16.1%
Chi phí lãi vay	16.7	18.2	-8.3%	68.5	83.9	-18.4%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	20.6	23.1	-10.6%	81.3	71.4	13.9%
Chi phí QLDN	21.7	20.5	6.0%	90.8	100	-9.3%
LN thuần từ HĐKD	-37.0	-65.2	43.3%	-256	-142	-80.6%
Lợi nhuận khác	8.45	9.70	-12.9%	54.6	45.7	19.5%
LN trước thuế	-28.5	-55.5	48.6%	-202	-96.3	-110%
Lợi nhuận sau thuế	-28.5	-55.5	48.6%	-202	-96.3	-110%
LNST của CĐ cty mẹ	-28.5	-55.5	48.6%	-202	-96.3	-110%

(Nguồn: fireant.vn)

